

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN KHANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TUẤN KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUAN KHANG INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMPANY LIMITED.

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109164239

3. Ngày thành lập: 23/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Thuận Quang, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: tuankhangsteel@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4513
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
3.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4530
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
5.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê, Bán buôn chè, Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn văn phòng phẩm ...	4649

10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong khai thác than đá, quặng, khai thác dầu khí như máy khoan, máy nghiền sàng, máy nén... Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Nhóm này gồm: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành dệt như: Máy xe, máy chải, máy dệt...; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành may như: Máy cắt vải, máy khâu, máy đính cúc, máy thừa khuyết...; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành da giày. Nhóm này cũng gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy dùng cho ngành dệt, may, da giày điều khiển bằng máy vi tính. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Nhóm này gồm: - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng bằng mọi chất liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng: máy	4659

	photocopy, máy chiếu, đèn chiếu, máy hủy giấy, máy fax... Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Nhóm này gồm: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong y tế, nha khoa, cho mục đích chẩn đoán bệnh, chữa bệnh. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán: sắt, thép tấm, thép cuộn, thép hình, tôn và thép lá, thép không gỉ, sắt xây dựng (Trừ kinh doanh vàng)	4662(Chính)
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, thép xây dựng, hàng trang trí nội thất, cửa cuốn, linh kiện cửa cuốn. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
16.	Bán buôn tổng hợp	4690
17.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
18.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
19.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
20.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
21.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
22.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
23.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
24.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	Bốc xếp hàng hóa	5224
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: (Loại trừ dịch vụ vận tải hàng không)	5229
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
32.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

33.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5629
34.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế thời trang	7410
36.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
37.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
38.	Khai thác gỗ	0220
39.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
40.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
41.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
42.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
43.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
44.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
45.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất các loại sắt, thép tấm, thép cuộn, thép hình, tôn và thép lá, thép không gỉ.	2410
48.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Không bao gồm: sản xuất vàng và trừ loại Nhà nước cấm)	2420
49.	Đúc sắt, thép	2431
50.	Đúc kim loại màu	2432
51.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
52.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
53.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công thép lá cuộn (không xi mạ điện và tái chế phế thải)	2592
54.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất ống đồng, dây đồng, đồng lá	2599
55.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
56.	Tái chế phế liệu	3830
57.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ xi mạ, gia công cơ khí).	4322

58.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
59.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
60.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

6. **Vốn điều lệ:** 2.800.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH THÌN	Thôn Ân Thị 3, Xã Hồng Quang, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	840.000.000	30,000	145136421	
2	BÙI THỊ TRANG	Tổ 2, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.960.000.000	70,000	034189007691	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* **Họ và tên:** NGUYỄN ĐÌNH THÌN **Giới tính:** Nam
Chức danh: Giám đốc
Sinh ngày: 25/11/1984 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 145136421
Ngày cấp: 07/07/2011 **Nơi cấp:** Công an tỉnh Hưng Yên
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ân Thị 3, Xã Hồng Quang, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Chỗ ở hiện tại: Thôn Ân Thị 3, Xã Hồng Quang, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội